

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DSST

Ngày: 24-8-2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Văn Mên
- Ông Nguyễn Trung Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2023/TLST-DS, ngày 31 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2023/QĐXXST-DS ngày 08/8/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Kim L, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm Mỹ C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Minh N, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Dương Thị H, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn là ông Trần Minh N trình bày:

Vào năm 2021 do chỗ quen biết với nhau nên bà Dương Thị H có hỏi bà L để vay dùm cho bà Nguyễn Thị P với tổng số tiền là 65.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất vào ngày 01/8/2021 với số tiền 5.000.000 đồng;
- Lần thứ hai vào ngày 01/9/2021 với số tiền 35.000.000 đồng;
- Lần thứ ba vào ngày 28/10/2021 với số tiền 15.000.000 đồng;
- Lần thứ tư vào tháng 05/2022 với số tiền 10.000.000 đồng.

Bà H là người hỏi vay tiền của bà L nhưng không trực tiếp nhận tiền mà bà P là người trực tiếp nhận tiền từ bà L. Do chỗ quen biết nên bà L không có làm biên nhận nợ và không có thỏa thuận ngày trả mà có thỏa thuận lãi suất mỗi tháng là 100.000 đồng/tháng/1.000.000 đồng. Bà P không đóng lãi từ tháng 6/2022 đến nay. Từ khi vay mượn đến nay bà P không trả tiền gốc và lãi, bà L nhiều lần đến để yêu cầu trả nợ nhưng bà P cố tình lẩn tránh nên tháng 3/2023 bà L có làm đơn gửi đến ban N1, xã M, huyện C để giải quyết việc vay mượn và tại nhà văn hóa ấp H1, xã M bà P thừa nhận có là có vay mượn của bà L số tiền 65.000.000 đồng. Nay bà Phan Thị Kim L yêu cầu bà Nguyễn Thị P phải trả số tiền vay còn nợ cho bà Phan Thị Kim L là 65.000.000 đồng và xin rút lại yêu cầu tính lãi.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà thừa nhận là có nhận tiền của bà Phan Thị Kim L với số tiền 65.000.000 đồng nhưng trước đây bà L mua đất của bà diện tích 2.792m² tọa lạc tại ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh với giá là 600.000.000 đồng. Bà L trả tiền đất cho bà chưa đủ nên còn nợ lại bà 1 đồng tiền mua đất nên bà đã trừ số tiền 65.000.000 đồng qua 100.000.000 đồng tiền mua đất còn thiếu. Nay bà L còn nợ lại bà số tiền 35.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị H trình bày: Do chỗ quen biết nên bà có vay của bà L dùm cho bà P với tổng số tiền là 45.000.000 đồng ngoài ra bà không có vay mượn thêm số tiền nào cả còn việc bà P có vay thêm từ bà L số tiền nào nữa không thì bà không biết. Trước đây ban N1, xã M có mời bà, bà L và bà P để giải quyết về việc vay mượn tiền trên và bà P thừa nhận là bà P có vay mượn của bà L số tiền 65.000.000 đồng nhưng bà P nói là bà L còn thiếu tiền mua đất 100.000.000 đồng nên không đồng ý trả cho bà L số tiền trên.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà P phải 65.000.000 đồng và xin rút lại yêu cầu tính lãi với số tiền 10.790.000 đồng. Bị đơn bà Nguyễn Thị P không đồng ý trả số tiền trên cho bà L vì bà cho rằng bà L còn nợ bà 100.000.000 đồng tiền mua đất nên cần trừ qua 65.000.000 đồng, bà P còn nợ lại bà 35.000.000 đồng nên bà yêu cầu bà L trả số tiền trên cho bà.

Kiểm sát Viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Bà Phan Thị Kim L yêu cầu bà Nguyễn Thị P trả số tiền vay 65.000.000 đồng, tuy việc vay mượn tiền giữa hai bên không có làm biên nhận nhưng tại biên bản hòa giải vào tháng 3/2023 tại Ban N1, xã M và tại bản tự khai bà P thừa nhận là có nợ của bà L số tiền 65.000.000 đồng. Bà P cho rằng bà L còn nợ tiền mua đất với số tiền 100.000.000 đồng nên bà P cần trừ qua số tiền vay nên bà yêu cầu bà L trả cho bà số tiền 35.000.000 đồng. Tòa án đã thông báo cho bà P thực hiện thủ tục phản tố nhưng bà phươg không làm đơn yêu cầu phản tố. Việc bà P vay tiền nhưng không trả nợ gốc và lãi ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L nên việc bà L khởi kiện yêu cầu trả số tiền 65.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Về lãi suất chậm trả: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà L xin rút lại yêu cầu này, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên được chấp nhận. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền vay còn nợ là 65.000.000 đồng.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phan Thị Kim L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị P thực hiện nghĩa vụ hợp đồng vay tài sản còn nợ, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Nguyễn Thị P có nơi cư trú tại ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Theo đại diện cho nguyên đơn là anh Trần Minh N trình bày vào năm 2021 do chỗ quen biết với nhau nên bà Dương Thị H có hỏi bà L để vay dùm cho bà Nguyễn Thị P với tổng số tiền là 65.000.000 đồng. Bà H là người hỏi vay tiền của bà L nhưng không trực tiếp nhận tiền mà bà P là

người trực tiếp nhận tiền từ bà L. Từ khi vay mượn đến nay bà P không trả tiền gốc và lãi, bà L nhiều lần đến để yêu cầu trả nợ nhưng bà P cố tình lẩn tránh. Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù việc vay mượn giữa hai bên không làm biên nhận nhưng tại biên bản hòa giải vào tháng 3/2023 của Ban N1, xã M, huyện C bà P thừa nhận có nợ của bà L số tiền 65.000.000 đồng. Bị đơn bà Nguyễn Thị P không phản đối tình tiết này và thừa nhận là có nợ bà L số tiền 65.000.000 đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bà P cho rằng trước đây bà L có mua đất của bà diện tích 2.792m², tọa lạc ở ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh với giá là 600.000.000 đồng, bà L trả tiền mua đất cho bà chưa đủ nên còn nợ lại bà 100.000.000 đồng nên bà đã căn trừ số tiền 65.000.000 đồng qua 100.000.000 đồng tiền mua đất còn thiếu. Nay bà L còn nợ lại bà số tiền 35.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra thông báo ấn định thời hạn 15 ngày để bà nộp đơn yêu cầu giải quyết về số tiền mà bà yêu cầu nhưng bà P không tranh chấp không khởi kiện và tại phiên tòa bà P yêu cầu bà L trả số tiền 35.000.000 đồng mua đất còn nợ bà P. Căn cứ khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn đưa ra yêu cầu phản tố sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không được Hội đồng xét xử giải quyết trong vụ án này. Trường hợp bà P có tranh chấp thì được giải quyết bằng vụ án khác. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị P trả số tiền vay còn nợ 65.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Theo đơn khởi kiện bà L yêu cầu bà P trả tiền lãi 10 tháng với lãi suất là 1,66%/tháng với số tiền là 10.790.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn xin rút lại yêu cầu đòi với số tiền lãi là 10.790.000 đồng việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện của nguyên đơn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc gia quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét về quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; các điều 35; 39; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 357; 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim L.

- Buộc bà Nguyễn Thị P trả cho bà Phan Thị Kim L số tiền vay còn nợ là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng).

- Đình chỉ yêu cầu đối với số tiền lãi 10 tháng x 65.000.000 đồng x 1,66%/tháng = 10.790.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, về lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 3.250.000 đồng. Bà Phan Thị Kim L không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà Phan Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.894.750 đồng theo biên lai thu số 0015744 ngày 11/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Ngọc Hùng Anh

